

Bản án số: 132/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 9 - 2024

V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Văn Sơn.
- Ông Lê Hoàng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 356/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2024, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Duy N**, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: **Tổ E, khu phố F, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

2. Bị đơn: Bà **Lê Minh T**, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: **Tổ E, khu phố F, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn ông **Võ Duy N** trình bày: Ông và bà **Lê Minh T** kết hôn vào cuối năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh một số mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Ông yêu cầu Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình tố tụng, bị đơn bà **Lê Minh T** trình bày: Bà thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn ông **Võ Duy N**. Do ông bà kết hôn 1996 và không đăng ký

kết hôn nên bà đồng ý với yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của ông N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông **Võ Duy N** và bà **Lê Minh T**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông **Võ Duy N** và bà **Lê Minh T** tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Ông bà kết hôn năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này;*”.

Vì vậy, yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của ông **Võ Duy N** là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông **N** là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí DSST về ly hôn.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 235, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, **khoản 2** Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông **Võ Duy N** và bà **Lê Minh T.**

2. Về án phí DSST: Ông **Võ Duy N** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông **N** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0004778** ngày 15 tháng 8 năm 2024. Ông **N** đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- CCTHADS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND **thị trấn Võ Xu;**
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Ngọc Nghĩa